

Việt Nam
KHẢ QUAN *(không thay đổi)*

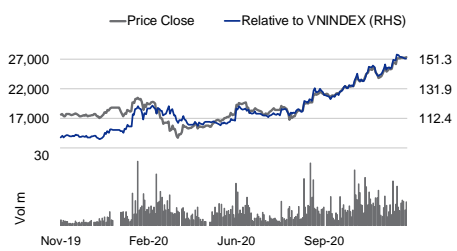
Consensus ratings*: KQ 14 TL 2 KKQ 0

Giá hiện tại:	VND27.400
Giá mục tiêu:	VND32.400
Giá mục tiêu gần nhất:	VND28.200
Tỷ lệ tăng/giảm giá:	18,2%
CGS-CIMB / Consensus:	3,3%
Reuters:	ACB.HM
Bloomberg:	ACB VN
Vốn hóa thị trường:	US\$2.557tr
	VND59.226.700tr
GTGD bình quân:	US\$8,95tr
	VND207.482tr
SLCP đang lưu hành:	2.162tr
Free float:	35,0%

**Nguồn: Bloomberg*

Thay đổi chính trong báo cáo

- Nâng dự phóng EPS 2021/2022/2023 thêm 9,2%/8,2%/7,6%



Nguồn: Bloomberg

Diễn biến giá	1T	3T	12T
Tuyệt đối (%)	10,5	29,2	50,9
Tương đối (%)	4,7	14	47,9

Cổ đông chính	% nắm giữ
Chủ tịch HĐQT và các bên liên quan	11,3
Dragon Financial Holdings Limited	6,9
Whistler Investments Limited	4,0

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Đặng Bảo Ngọc

T (84) 90 918 2135

E ngoc.nguyendang@vndirect.com.vn

Ngân hàng TMCP Á Châu

Trợ lực đến từ thương vụ banca độc quyền.

- Ngày 18/11/2020, ACB đã ký hợp tác độc quyền bancassurance với khoản phí trả trước là 370 triệu USD với Sun Life Việt Nam, có hiệu lực từ 01/01/2021.
- Chúng tôi nâng dự phóng EPS giai đoạn 2021-2022-2023 9,2%-8,2%-7,6% trên cơ sở tăng trưởng thu nhập ngoài lãi cao hơn nhờ thỏa thuận banca.
- Duy trì đánh giá KHẢ QUAN với giá mục tiêu cao hơn là 32.400 đồng.

Thu nhập ngoài lãi (non-NII) tăng tốc trong tương lai

Khoản phí trả trước cho hợp đồng độc quyền bancassurance 15 năm vào khoảng 370 triệu USD, chỉ thấp hơn một chút so với thương vụ 382 triệu USD giữa FWD và Vietcombank vào năm ngoái. Dựa trên thỏa thuận của FWD-VCB, chúng tôi ước tính khoản phí trả trước này sẽ được chia đều và ghi nhận trong vòng 5 năm tới. Với mạng lưới 371 chi nhánh, PGD và 3,6 triệu tài khoản khách hàng cá nhân, chúng tôi kỳ vọng rằng thu nhập ngoài lãi (non-NII) của ACB sẽ tăng 33-35% trong giai đoạn 2021-2023.

Chờ đợi ngày niêm yết chính thức trên HOSE

Vào ngày 20 tháng 11, ACB đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE). Chỉ cần chính thức niêm yết lên HOSE trước cuối năm nay, ACB nhiều khả năng sẽ được thêm vào 2 rổ chỉ số bluechip VN30 và VNDiamond trong kỳ xem xét sắp tới của 2 rổ chỉ số này vào tháng 08/21 và tháng 11/21. Như vậy, ACB sẽ đáp ứng tất cả yêu cầu của các rổ chỉ số này, gồm (i) top 20 vốn hóa trị trường; (ii) tỷ lệ free float tối thiểu 10%; (iii) GTGD hàng ngày; (iv) giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài còn lại tối đa 5% và (v) tối thiểu 6 tháng niêm yết trên HOSE

Nâng dự phóng EPS 9,2%/8,2%/7,6% cho giai đoạn 2021-2023

Chúng tôi nâng dự phóng thu nhập phi thuần (NFI) 63,8%/52,3%/47,7% cho giai đoạn 2021-2023 so với dự báo trước đó dựa trên thương vụ banca độc quyền mới được công bố. Chúng tôi kỳ vọng ACB sẽ nhận được cả khoản phí trả trước 370 triệu USD, được chia đều và ghi nhận trong vòng 5 năm tính từ 2021; và dòng phí hoa hồng mới. Trong khi đó, chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2021-2022 là 15% svck và tỷ lệ CIR là 48%. Do vậy, LN ròng năm 2021/2022 dự báo tăng thêm 9,1%/8,1% so với dự báo trước đó.

Duy trì đánh giá Khả quan với giá mục tiêu cao hơn là 32.400 đồng

Giá mục tiêu mới tăng 14,9% so với dự báo trước đây, do chúng tôi nâng dự phóng LN thêm 9,1%/8,2%/7,5% cho giai đoạn 2021-2023. ACB đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên HOSE vào ngày 20/11/2020. Việc chuyển niêm yết sang sàn HOSE sẽ giúp tăng tính thanh khoản của cổ phiếu và thu hút nhiều nhà đầu tư hơn. Giá mục tiêu của chúng tôi dựa trên hai phương pháp định giá thu nhập thặng dư (Chi phí vốn: 14%, Tăng trưởng dài hạn: 3%) và hệ số P/BV 2021 là 1,7 lần, tỷ trọng tương đương. Chúng tôi nâng P/BV 2021 mục tiêu từ 1,5 lần lên 1,7 lần để phản ánh triển vọng đầy hứa hẹn đến từ thương vụ banca. Rủi ro giảm giá đến từ tăng trưởng tín dụng thấp hơn dự kiến, hay thời điểm nhận khoản phí trả trước trong năm 2021-2022 kéo dài hơn dự kiến.

Chỉ tiêu tài chính	12/18A	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F
Thu nhập lãi thuần (tỷ đồng)	10.363	12.112	13.887	15.941	18.441
Thu nhập ngoài lãi (tỷ đồng)	3.670	3.985	3.483	6.831	6.762
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	14.033	16.097	17.370	22.773	25.203
Tổng chi phí dự phòng (tỷ đồng)	(932)	(274)	(876)	(984)	(1.022)
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	5.137	6.010	6.452	8.591	9.662
EPS cốt lõi (VND)	3.107	3.606	3.327	3.928	4.424
Tăng trưởng EPS cốt lõi	144%	16%	(8%)	18%	13%
P/E cốt lõi dự phóng (lần)	8,82	7,60	8,23	6,97	6,19
Cổ tức tiền mặt (VND)	0,0	0,0	0,0	500,0	500,0
Tỷ suất cổ tức (%)	0,00%	0,00%	0,00%	1,82%	1,82%
Giá trị sổ sách/cp (VND)	12.964	16.761	15.830	19.805	23.775
P/BV (lần)	2,11	1,63	1,73	1,38	1,15
ROE (%)	27,2%	24,2%	20,5%	22,0%	20,3%
% Thay đổi ước tính EPS cốt lõi			0,00%	9,21%	8,18%
CGS-CIMB/Đồng thuận EPS (lần)			1,09	1,11	1,13

NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Trợ lực đến từ thương vụ banca độc quyền

Nâng dự phóng LN ròng năm 2021/2022 thêm 9,1%/8,1% ➤

Hình 1: Các thay đổi trong dự phóng (Đơn vị: tỷ đồng)

Báo cáo KQKD	Dự báo cũ		Dự báo mới		Thay đổi		Nhận xét
	2021	2022	2021	2022	2021	2022	
Thu nhập lãi ròng (NII)	15.941	18.441	15.941	18.441	0,0%	0,0%	
Thu nhập ngoài lãi (Non-II)	5.092	5.023	6.831	6.762	34,1%	34,6%	Dự phóng thu nhập ngoài lãi (Non-II) tăng thêm 34,1-34,6% cho năm 2021-22 do chúng tôi dự phóng thu nhập phí thuần (NFI) tăng thêm 63,8%/52,3% cho năm 2021-22. Chúng tôi kỳ vọng việc nhận được khoản phí trả trước trị giá 370 triệu USD từ hợp đồng độc quyền Bancassurance với Sun Life Việt Nam, sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng NFI. Dựa vào thực tế thỏa thuận hợp tác độc quyền trị giá 382 triệu USD giữa VCB và FWD, chúng tôi ước tính khoản phí trả trước này sẽ được chia đều và ghi nhận trong vòng 5 năm tới, bắt đầu từ năm 2021.
Thu nhập HĐKD	21.034	23.464	22.773	25.203	8,3%	7,4%	
Chi phí HĐKD	(10.201)	(11.263)	(11.045)	(12.098)	8,3%	7,4%	
Lợi nhuận trước dự phòng	10.832	12.201	11.728	13.106	8,3%	7,4%	
Chi phí dự phòng	(984)	(1.022)	(984)	(1.022)	0,0%	0,0%	
Lợi nhuận trước thuế	9.849	11.179	10.744	12.084	9,1%	8,1%	
Lợi nhuận ròng	7.875	8.939	8.591	9.662	9,1%	8,1%	
Số lượng cp lưu hành (triệu cp)	2.162	2.162	2.162	2.162	0,0%	0,0%	
EPS (VND/cp)	3.597	4.089	3.928	4.424	9,2%	8,2%	Chúng tôi nâng dự phóng EPS thêm 9,2%/8,2% do dự báo thu nhập phí thuần tăng thêm 63,8%/52,3% cho năm 2021/22.

NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH

Duy trì đánh giá Khả quan với giá mục tiêu cao hơn là 32.400 đồng ➤

Chúng tôi duy trì đánh giá Khả quan đối với ACB với giá mục tiêu cao hơn là 32.400 đồng để phản ánh việc tăng dự phóng LN ròng cho giai đoạn 2021-2023. Thương vụ banca độc quyền với Sun Life, có hiệu lực từ đầu năm 2021, hứa hẹn sẽ đem đến cho ACB khoản phí trả trước trị giá 370 triệu USD và dòng phí hoa hồng mới, khiến chúng tôi nâng dự phóng LN của ngân hàng thêm 9,1%/8,1%/7,5% trong giai đoạn 2021-2023. Thêm vào đó, việc chuyển niêm yết sang HOSE và khả năng được thêm vào rổ chỉ số VN30, VNDiamond là những động lực tăng giá chính trong ngắn hạn.

Giá mục tiêu của chúng tôi dựa trên hai phương pháp định giá thu nhập thặng dư (Chi phí vốn: 14%, Tăng trưởng dài hạn: 3%) và P/BV 2021 là 1,7 lần, tỷ trọng tương đương. Chúng tôi nâng mục tiêu P/BV 2021 từ 1,5 lần lên 1,7 lần để phản ánh triển vọng đầy hứa hẹn đến từ thương vụ banca. So với các ngân hàng trong khu vực, ACB có mức sinh lời cao hơn, với ROE dự phóng là 21% trong năm 2020-2021, cao hơn mức bình quân của các ngân hàng trong khu vực là 14%-15%. Do đó, chúng tôi áp dụng mức P/BV 2021 là 1,7 lần cho ACB, cao hơn mức trung bình khu vực là P/BV 2021 1,5 lần.

Hình 2: Tính toán giá mục tiêu dựa trên các giả định của chúng tôi

Phương pháp định giá	Tỷ trọng	Định giá (VND/cp)	Tỷ lệ đóng góp (VND/cp)
Thu nhập thặng dư (RI)	50%	31.196	15.598
Hệ số P/BV dự phóng 2021 ở mức 1,7x	50%	33.668	16.834
Giá mục tiêu (VND/cổ phiếu)			32.432
Giá mục tiêu (VND/cổ phiếu, làm tròn)			32.400

NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH

Hình 3: Định giá thu nhập thặng dư

Các giả định chính	2020F	2021F	2022F	2023F	2024F	Năm cuối
Lãi suất phi rủi ro	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%	3,0%
Phần bù rủi ro thị trường	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%	11,0%
Beta	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
Chi phí vốn chủ sở hữu (VCSH)	14,0%	14,0%	14,0%	14,0%	14,0%	14,0%
Tăng trưởng dài hạn						3,0%
<i>(Tỷ đồng)</i>						
Giá trị sổ sách đầu kỳ	27.765					
Giá trị hiện tại của thu nhập thặng dư (5 năm)	12.286					
Giá trị hiện tại của thu nhập thặng dư (năm cu	27.381					
Giá trị VCSH	67.432					
SLCP đang lưu hành (triệu cp)	2.162					
Giá trị 1 cổ phiếu (VND/cp)	31.196					

NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH

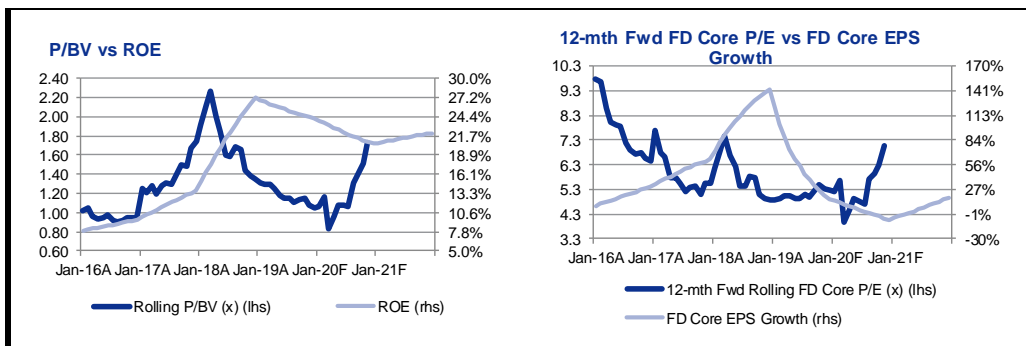
Hình 4: So sánh với các Ngân hàng trong khu vực

Ngân hàng	Mã Bloomberg	Khuyến nghị	Giá đóng cửa	Giá mục tiêu	Vốn hóa triệu USD	P/B (x)		P/E (x)		Tăng trưởng kép EPS 3 năm	ROE (%)	
			(tiền nội tệ)	(tiền nội tệ)		FY20F	FY21F	FY20F	FY21F	%	FY20F	FY21F
China Merchants Bank	3968 HK	KHẢ QUAN	49	63	146.431	1,6	1,4	11,0	9,3	12,8%	15,3%	16,1%
Bank Rakyat Indonesia	BBRI IJ	KHẢ QUAN	4.320	4.900	28.338	2,8	2,6	25,8	16,5	6,5%	10,5%	16,3%
Bank Mandiri	BMRI IJ	KHẢ QUAN	6.525	7.400	18.427	1,7	1,5	18,0	11,5	8,4%	8,9%	14,0%
Hong Leong Bank	HLBK MK	KHẢ QUAN	17,04	16,50	9.037	1,32	1,18	14,79	13,58	7,1%	9,3%	9,1%
BIMB Holdings	BIMB MK	KÉM KHẢ QUAN	3,65	3,24	1.601	1,05	0,98	10,89	11,02	-7,2%	9,9%	9,2%
Vietcombank	VCB VN	TRUNG LẬP	93.500	89.200	13.281	3,6	3,0	18,5	14,2	16,6%	21,2%	23,1%
BDO Unibank Inc	BDO PM	KHẢ QUAN	108	135	8.052	1,3	1,2	16,5	14,9	1,7%	7,9%	8,2%
Techcombank	TCB VN	KHẢ QUAN	23.600	29.300	3.224	1,1	1,0	7,6	6,5	13,6%	16,1%	16,0%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	MBB VN	KHẢ QUAN	19.450	22.900	2.130	1,1	1,0	6,2	5,4	13,3%	20,0%	18,9%
Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vư	VPB VN	TRUNG LẬP	26.700	28.000	2.482	1,3	1,0	6,7	5,8	17,8%	20,7%	19,5%
Trung bình						1,7	1,5	13,6	10,9	9,1%	14,0%	15,0%
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	KHẢ QUAN	27.400	32.400	2.557	1,7	1,4	8,1	7,5	7,1%	20,8%	20,6%

GIÁ TẠİ NGÀY 27 THÁNG 11 2020

NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, CGS-CIMB RESEARCH

THÔNG TIN TÀI CHÍNH



Kết quả kinh doanh

(Tỷ đồng)	12/18A	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F
Thu nhập lãi thuần	10.363	12.112	13.887	15.941	18.441
Thu nhập ngoài lãi	3.670	3.985	3.483	6.831	6.762
Lợi nhuận HDKD	14.033	16.097	17.370	22.773	25.203
Tổng chi phí ngoài lãi	(6.712)	(8.308)	(8.424)	(11.045)	(12.098)
Lợi nhuận HDKD trước dự phòng	7.321	7.790	8.945	11.728	13.106
Chi phí ngoài lãi	(932)	(274)	(876)	(984)	(1.022)
Lợi nhuận HDKD trước dự phòng	6.389	7.516	8.069	10.744	12.084
Tổng chi phí dự phòng	0	0	0	0	0
Lợi nhuận HDKD sau dự phòng	6.389	7.516	8.069	10.744	12.084
Lợi nhuận trước thuế từ công ty liên kết	0	0	0	0	0
Lợi nhuận HDKD trước thuế	6.389	7.516	8.069	10.744	12.084
Chi phí/lãi ngoài HDKD	(1.252)	(1.506)	(1.617)	(2.153)	(2.421)
LNTT sau các khoản đặc biệt					
Chi phí thuế					
Lợi nhuận sau thuế	5.137	6.010	6.452	8.591	9.662
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Cổ tức ưu đãi	0	0	0	0	0
Trao đổi ngoại tệ và điều chỉnh khác	0	0	0	0	0
Lợi nhuận ròng sau thuế	5.137	6.010	6.452	8.591	9.662
Lợi nhuận thường xuyên	5.037	5.910	6.352	8.491	9.562

Các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán

	12/18A	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F
Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi khách hàng	85,4%	87,2%	88,0%	88,0%	88,0%
Tỷ lệ trung bình cho vay trên trung bình tiền gửi	83,9%	86,4%	87,6%	88,0%	88,0%
Trung bình tài sản lưu động trên trung bình tài sản	27,2%	27,7%	27,5%	27,1%	26,8%
Trung bình tài sản lưu động trên trung bình tài sản sinh lãi	28,6%	28,8%	28,6%	28,0%	27,6%
Tỷ lệ cho vay khách hàng trên tài sản	69,1%	69,3%	70,0%	70,5%	71,1%
Tỷ lệ cho vay khách hàng trên tiền gửi	76,1%	76,3%	77,4%	78,3%	79,1%
Tỷ lệ vốn đầu tư chủ sở hữu và dự phòng trên dư nợ cho vay	10,2%	11,2%	12,1%	13,2%	13,7%
Tỷ lệ tài sản chịu rủi ro	60,0%	74,0%	75,0%	77,0%	79,0%
Dự phòng trên trung bình cho vay khách hàng	0,435%	0,110%	0,305%	0,299%	0,271%
Dự phòng trên trung bình tài sản	0,304%	0,077%	0,215%	0,213%	0,194%
Tổng xóa nợ trên trung bình tài sản	0,304%	0,077%	0,215%	0,213%	0,194%

NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)	12/18A	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F
Tổng cho vay khách hàng	249.297	299.042	341.211	390.862	449.491
Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	55.015	59.408	64.564	72.312	80.989
Các tài sản sinh lãi	10.684	10.508	11.769	13.181	14.763
Tổng tài sản sinh lãi thuần	314.995	368.958	417.545	476.355	545.243
Tổng dự phòng	(3.001)	(3.003)	(3.465)	(3.991)	(4.525)
Tổng tài sản sinh lãi	311.994	365.956	414.080	472.363	540.718
Tài sản vô hình	593	1.049	1.096	1.146	1.197
Các tài sản không sinh lãi khác	10.617	10.072	10.525	10.998	11.493
Tổng tài sản không sinh lãi	11.210	11.121	11.621	12.144	12.691
Tiền và chứng khoán sẵn sàng giao dịch	6.129	6.438	6.728	7.030	7.347
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng tài sản	329.333	383.514	432.429	491.538	560.755
Tiền gửi có lãi của khách hàng	278.289	328.960	371.100	421.587	481.846
Tiền gửi của ngân hàng	20.718	19.249	20.211	21.222	22.283
Các khoản tiền gửi có lãi khác	3.272	156	156	156	156
Tổng các khoản tiền gửi có lãi	302.280	348.365	391.467	442.965	504.285
Tổng các khoản nợ không có lãi	6.035	7.384	6.744	5.764	5.079
Tổng nợ	308.315	355.749	398.211	448.729	509.365
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21.018	27.765	34.218	42.809	51.390
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	21.018	27.765	34.218	42.809	51.390

Các chỉ tiêu chính

	12/18A	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F
Tăng trưởng doanh thu	22,7%	14,7%	7,9%	31,1%	10,7%
Tăng trưởng LNHDKD	40,2%	6,4%	14,8%	31,1%	11,7%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	141%	18%	7%	33%	12%
Thu nhập lãi/tổng lợi nhuận	73,8%	75,2%	79,9%	70,0%	73,2%
Chi phí vốn	4,82%	4,98%	4,91%	4,91%	4,95%
Lợi tức tài sản sinh lãi	8,21%	8,28%	8,15%	8,15%	8,20%
Chênh lệch lãi suất	3,38%	3,30%	3,24%	3,24%	3,25%
Tỉ lệ lãi cận biên (trung bình tiền gửi)	4,05%	4,19%	4,23%	4,27%	4,30%
Tỉ lệ lãi cận biên (trung bình RWA)	5,20%	5,03%	4,57%	4,54%	4,49%
Dự phòng trên lãi từ HDKD trước dự phòng	12,7%	3,5%	9,8%	8,4%	7,8%
Lợi tức lãi suất trên trung bình tài sản	3,38%	3,40%	3,40%	3,45%	3,50%
Thuế suất hiệu dụng	19,6%	20,0%	20,0%	20,0%	20,0%
Tỉ lệ chia cổ tức	NA	NA	NA	12,6%	11,2%
Chỉ tiêu hoàn vốn tổng tài sản	1,67%	1,69%	1,58%	1,86%	1,84%

Các nhân tố chính

	12/18A	12/19A	12/20F	12/21F	12/22F
Tăng trưởng cho vay (%)	16,1%	16,6%	14,0%	14,5%	15,0%
Tỉ lệ lãi cận biên (%)	3,5%	3,5%	3,5%	3,6%	3,6%
Tăng trưởng lợi nhuận ngoài lãi (%)	23,1%	8,6%	-12,6%	96,2%	-1,0%
Tỉ lệ chi phí trên lãi	47,8%	51,6%	48,5%	48,5%	48,0%
Tỉ lệ nợ xấu	0,4%	0,4%	0,5%	0,6%	0,5%
Trích lập dự phòng (%)	145,6%	166,3%	131,4%	117,1%	128,0%
Hệ số biên lợi nhuận gộp (%)	0,7%	0,7%	0,8%	0,8%	0,8%
Tỉ lệ vốn cấp I (%)	10,4%	9,7%	10,4%	11,2%	11,5%
CAR (%)	12,8%	10,9%	12,0%	12,7%	12,8%
Tăng trưởng tiền gửi (%)	11,9%	14,1%	13,0%	14,5%	15,0%
LDR (%)	84,3%	86,2%	87,0%	87,0%	87,0%
Tỉ lệ nợ xấu thuần (%)	0,7%	0,5%	0,7%	0,8%	0,8%
Tăng trưởng lợi nhuận từ phí dịch vụ	26,0%	26,6%	15,0%	104,7%	13,4%

NGUỒN: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

TÍCH CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG TÍNH	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TIÊU CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Trần Khánh Hiền – Phó Giám đốc Khối Phân tích

Email: hien.trankhanh@vndirect.com.vn

Nguyễn Đặng Bảo Ngọc – Chuyên viên Khối Phân tích

Email: ngoc.nguyendang@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>